

Bản án số: 75/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 23/8/2022
“V/v tranh chấp ly hôn và con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Hồng Sâm

Ông: Cao Lương Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST - HNGĐ ngày 30/6/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị C Th N, sinh năm 1993

Trú tại: Thôn Th L, xã H Th, huyện M H, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh C V L, sinh năm 1986

Nơi ĐKNKTT: Thôn Th L, xã H Th, huyện M H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/6/2022 và bản tự khai ngày 15/7/2022 của nguyên đơn C Th N trình bày giữa chị và anh C V L đã đăng ký kết hôn ngày

05/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H Th, huyện M H, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh L.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 người con chung là cháu C Ng Kh V, sinh ngày 13/02/2010. Sau khi ly hôn do công việc đi làm ăn xa và cháu V có nguyện vọng được ở với bố nên chị N có nguyện vọng giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con 800.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Không có.

Khoản vay chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 21/7/2022 và tại phiên tòa hôm nay anh C V L trình bày: Quá trình tìm hiểu để đi đến kết hôn anh nhất trí như ý kiến trình bày của chị N. Anh L nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 người con chung là cháu C Ng Kh V, sinh ngày 13/02/2010. Sau khi ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng.

Tài sản chung: Không có.

Khoản vay chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Ngày 15/7/2022 chị N viết đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do đi làm ăn xa đi lại khó khăn không tham gia phiên tòa và yêu cầu hội đồng xét xử giải quyết các nội dung theo đơn xin xét xử vắng mặt của chị. Xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị N là hợp lệ và tự nguyện có xác nhận của UBND xã nơi cư trú nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin xét xử vắng mặt của chị N. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C Th N và anh C V L đã đăng ký kết hôn ngày 05/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H Th, huyện M H, tỉnh Quảng Bình hoàn toàn tự nguyện, bước đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không dàn xếp được, tình cảm vợ chồng đến mức trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân đã lâu, chị N và anh L đều có nguyện vọng ly hôn. Xét thấy nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng vì đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận việc tự nguyện thỏa thuận ly hôn của chị N và anh L. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị C Th N và anh C V L là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về con chung: Hai vợ chồng có 01 người con chung là cháu C Ng Kh V, sinh ngày 13/02/2010. Sau khi ly hôn do công việc đi làm ăn xa và anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và cháu V cũng mong muốn được ở với bố nên chị N và anh L thỏa thuận giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Xét thấy nguyện vọng của chị N và anh L là hợp lý nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho anh C V L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C Ng Kh V, sinh ngày 13/02/2010, chị C Th N cấp dưỡng nuôi con 800.000 đồng/tháng.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét

[5] Khoản vay chung: Không có nên không xem xét

[6] Án phí: Chị C Th N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000618 ngày 30/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị N còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị C Th N và anh C V L.

2. Về con chung: Xử giao cho anh C V L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C Ng Kh V, sinh ngày 13/02/2010, chị C Th N cấp dưỡng nuôi con 800.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 9/2022.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị C Th N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000618 ngày 30/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị N còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/8/2022), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã H Th;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1. Trương Ngọc Nhân

2. Lê Minh Toàn

